

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 07 – 01 – 2022
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Vinh.
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/10/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Phong V, sinh năm 1975 và chị Phạm Thị Kiều P1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện B, tỉnh Đồng Tháp. Anh V và chị P1 vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Ngày 25/01/2017, vợ chồng Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 có vay của anh Trần Thanh P số tiền gốc là 13.550.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng), thỏa thuận lãi suất tại thời điểm vay theo quy định pháp luật là 20%/năm (1,66%/tháng), trả lãi hàng tháng vào ngày 25 tây, không thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc cụ thể mà khi nào anh P có nhu cầu lấy lại tiền gốc thì anh V và chị P1 phải có trách nhiệm trả lại tiền gốc cho anh P, mục đích vay để làm ăn. Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 có viết biên nhận vay ngày 25/01/2017. Việc thỏa thuận trả lãi hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản.

Đến nay, anh Trần Thanh P có nhu cầu lấy lại tiền gốc cho anh V và chị P1 vay thì họ không trả.

Từ khi vay, Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 đã trả lãi cho anh P được 25 tháng, mỗi tháng 224.000 đồng (tính lãi suất 1,66%/tháng) (đóng lãi từ ngày 25/02/2017 đến ngày 25 tháng 3 năm 2019), thành tiền là 25 tháng x 224.000 đồng/tháng = 5.600.000 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 chỉ trả lãi cho anh Trần Thanh P bằng tiền mặt và đưa trực tiếp cho anh Trần Thanh P, không có viết biên nhận hay có giấy tờ gì chứng minh.

Nay anh Trần Thanh P yêu cầu Tòa án buộc anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 liên đới trả cho anh Trần Thanh P số tiền vay gốc là 13.550.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất theo mức 1,66%/tháng từ ngày 26/3/2019 đến ngày Tòa án ra bản án.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.*

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 của anh Trần Thanh P (bản chính).
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Trần Thanh P (bản photo có đối chiếu bản gốc).
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 (bản photo).
- Hợp đồng ủy quyền ngày 13/10/2021 giữa anh Trần Thanh P và chị Lê Thị Thùy T (bản chính).
- Biên nhận ngày 25/01/2017 (bản chính).

- Biên bản xác minh ngày 26/10/2021 (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2021 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 của anh Trần Thanh P và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 cư trú tại ấp E, xã F, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị P1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P.

Xét thấy, anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 có vay của anh Trần Thanh P số tiền gốc là 13.550.000 đồng, được thể hiện tại biên nhận vay ngày 25/01/2017; tại biên nhận này không thể hiện mức lãi suất vay cụ thể, việc thỏa thuận lãi suất đối với khoản vay này hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, với mức lãi suất 1,66%/tháng, trả lãi hàng tháng, kể từ ngày 26/3/2019, anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với anh Trần Thanh P; Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 biết nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P đối với anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1, nhưng anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 không có ý kiến phản đối; Mặt khác, anh V và chị P1 là vợ chồng, cùng vay của anh Trần Thanh P số tiền nêu trên, nên anh V và chị P1 phải cùng có trách nhiệm trả nợ anh P theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P, buộc anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 liên đới trả cho anh Trần Thanh P số tiền vay gốc là 13.550.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất theo mức 1,66%/tháng từ ngày 26/3/2019 đến ngày Tòa án ra bản án là phù hợp.

Lãi được tính như sau:

13.550.000 đồng x 1,66%/tháng x 33,37 tháng (từ ngày 26/3/2019 đến ngày 07/01/2022) = 7.506.000 đồng.

Tổng cộng gốc lãi là: 13.550.000 đồng + 7.506.000 đồng = 21.056.000 đồng (hai mươi một triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P, nên anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 phải liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh P.

Buộc anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 liên đới trả cho anh Trần Thanh P số tiền vay gốc và lãi còn nợ là 21.056.000 đồng (hai mươi một triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Anh Mai Phong V và chị Phạm Thị Kiều P1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.053.000 đồng (một triệu, không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Trả cho anh Trần Thanh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 484.000 đồng (bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0016604 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến